

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2024

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh.

2. Ông Lê Việt Hòa.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1993.

ĐKKHKT: Tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

*- Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện ngày 22/3/2024, bản tự khai ngày 15/4/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 25/10/2018. Sau

khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm, đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị xin được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2024, bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 25/10/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng kết hôn đã lâu vẫn chưa có con, mặt khác vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình. Trong lúc nóng giận anh có tát chị T. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị T xin ly hôn, anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng, nên anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án đã thông báo tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 03 lần, nhưng anh C không đến nên không tiến hành hòa giải được.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn cơ bản thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

+ Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn” giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn C là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị T và anh C đã xảy ra mâu thuẫn từ tháng 02/2022. Trên cơ sở trình bày của đương sự và xác minh tại địa phương xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng. Chị T và anh C đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp gì để thuyết phục chị T về đoàn tụ. Tòa án đã triệu tập anh C đến Tòa án 02 lần để hướng dẫn anh C viết bản tự khai trình bày quan điểm, thông báo phiên hòa giải 03 lần và triệu tập đến phiên tòa 02 lần, nhưng C đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh C không có thiện chí níu kéo hạnh phúc, có thái độ bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được, đời sống chung đã chấm dứt từ lâu, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh C.

[4] Về con chung: Chị T và anh C không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và công nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- 1. Về hôn nhân:* Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.
- 2. Về con chung:* Không có.
- 3. Về tài sản chung và công nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- 4. Về án phí:* Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo Biên lai thu số 0003497 ngày 22/3/2024. Chấp nhận chị T đã nộp đủ án phí ly hôn.
- 5. Quyền kháng cáo:* Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND thị trấn Yên Lâm, Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Dung**

